

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2025/DS-PT

Ngày 16/8/2025

*V/v “Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền
sử dụng đất vô hiệu và giải quyết hậu quả của
hợp đồng vô hiệu”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- + *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Thế Bình.
- + *Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thanh Bình, ông Nguyễn Trọng Trường.
- + *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.
- + *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 16/8/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 144/2025/TLST-DS, ngày 24 tháng 6 năm 2025 về việc “*Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu*” đối với Bản án DSST số: 20/2025/DSST, ngày 29 tháng 4 năm 2025 của TAND huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh (nay là TAND khu vực 9-Bắc Ninh bị kháng cáo giữa:

- **Nguyên đơn:** Anh Đinh Ngọc D, sinh năm 1984. Trú tại: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh (Nay là thôn A, xã T, tỉnh Bắc Ninh). Địa chỉ liên hệ: Thôn M, xã Đ Tỉnh Bắc Ninh. Anh D ủy quyền cho ông Trịnh Quốc H, sinh năm 1985, trú tại TP . Hồ Chí Minh đại diện (anh D, anh H có mặt)

- **Bị đơn:** Ông Đinh Văn A, sinh năm 1964. Trú tại: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh (Nay là thôn A, xã T, Tỉnh Bắc Ninh) đã được tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt không có lý do.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Đinh Thị T, sinh năm 1968. Trú tại: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh (Nay là thôn A, xã T, Tỉnh Bắc Ninh) do ông Đinh Văn A, trú tại: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh (nay là thôn A, xã T, tỉnh Bắc Ninh) đại diện. Được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do

2. Bà Đặng Thị C, sinh năm 1952 (Đã chết năm 2024).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Đặng Thị C:

- Anh Đinh Ngọc D, sinh năm 1984, nơi cư trú: Thôn T, xã T, tỉnh Bắc Ninh, địa chỉ liên hệ: Thôn M, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh (có mặt);

- Chị Nguyễn Thị T1 (tên thường gọi là Đinh Thị T2), sinh năm 1976, nơi cư trú: Thôn B, xã A, huyện L, tỉnh Bắc Ninh. (Nay là Thôn B, xã T, tỉnh Bắc Ninh) vắng mặt không lý do.

Do có đơn kháng cáo của anh Đinh Ngọc D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai, biên bản lấy khai, tại các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người chết (bà Đặng Thị C) để lại là anh Đinh Ngọc D trình bày:

Ông Đinh Hồng Đ, sinh năm 1952 (chết ngày **23/4/2012**) và bà Đặng Thị C, sinh năm 1952 (chết ngày **19/02/2024**) là bố mẹ anh. Ông Đ, bà C kết hôn và có với nhau 02 người con chung là anh và chị Đinh Thị T2 (tên gọi khác là Nguyễn Thị T1). Khi bố mẹ anh còn sống tạo dựng được thửa đất số 406, tờ bản đồ số 25, địa chỉ thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh, ngày 03/4/2012 được UBND huyện L, tỉnh Bắc Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất công nhận hộ ông Đinh Hồng Đ được sử dụng thửa đất 406, tờ bản đồ 25, diện tích 100m².

Sau khi ông Đinh Hồng Đ bố anh chết. Ngày 14/5/2015, tại Văn phòng C2 các đồng sở hữu và đồng thừa kế là bà C, chị T1 và anh đã lập văn bản thỏa thuận chia di sản với nội dung: Di sản thừa kế của ông Đinh Hồng Đ để lại nằm trong khối tài sản chung của gia đình tại thửa đất số 406, tờ bản đồ số 25, diện tích 100m², địa chỉ thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh được UBND huyện L cấp ngày 3/4/2012, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất Số: CH00294/QDD727 mang tên hộ ông Đinh Hồng Đ, nay tất cả những người có quyền thừa kế và thừa hưởng di sản trên thống nhất giao cho ông Đinh Ngọc D được sử dụng 100m² thuộc thửa này. Căn cứ nội dung thỏa thuận như đã nêu, ngày 26/5/2015 anh Đinh Ngọc D được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Bắc Ninh đăng ký biến động về đất đai công nhận có quyền được sử dụng hợp pháp thửa đất số 406, tờ bản đồ 25, diện tích 100m² tại Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh.

Sau khi được nhận thừa kế đối với thửa đất số 406, tờ bản đồ số 25, anh đã thấy gia đình ông Đinh Văn Á là người chú họ đã làm chuồng gà trên một phần diện tích của thửa đất 406, do chưa có nhu cầu sử dụng đất và nghĩ

trước khi xây dựng chuồng gà trên thửa đất số 406, ông Á đã nói chuyện với mẹ anh là bà C và đã được bà C đồng ý cho ông Á làm chuồng gà trên đất nên anh D cũng không có ý kiến gì về việc ông Á xây dựng chuồng gà trên một phần thửa đất 406. Nay anh D có nhu cầu sử dụng thửa đất 406 để xây nhà ở và để làm nơi thờ cúng ông bà tổ tiên nên anh D đã chủ động gặp ông Đinh Văn Á thông báo và đề nghị di dời chuồng gà nhưng ông Á cho rằng cuối năm 2012 ông đã mua phần diện tích đất mà gia đình ông đã xây dựng chuồng gà của thửa đất số 406 với bà Đặng Thị C (sau khi bố anh D chết), việc chuyển nhượng phần diện tích đất này đã được giao nhận tiền đầy đủ, có người làm chứng là chị Nguyễn Thị T1 (tên thật là Đinh Thị T2). Sau khi biết sự việc trên, anh D đã làm đơn gửi Ban quản lý thôn, UBND xã T giải quyết. Lần lượt ngày 26/5/2024 và ngày 07/6/2024, Ban quản lý thôn và UBND xã T tổ chức hòa giải nhưng không thành. UBND xã T đã lập biên bản làm việc và đề nghị anh D gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Lương Tài.

Vì vậy, anh D đã có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án tuyên giao dịch dân sự là hợp đồng chuyển nhượng phần diện tích đất 54m² (còn lại 51,7m² sau khi đo đạc) thuộc thửa đất số 406, tờ bản đồ số 25, địa chỉ tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh giữa bà Đặng Thị C và ông Đinh Văn Á là vô hiệu với lý do sau:

Thứ nhất anh D không biết và không đảm bảo rằng giấy tờ ông Á đưa ra nói có việc mua bán đất là thật hay giả, không xác định được chữ viết, chữ ký trong giấy tờ này. Thứ hai là nếu có việc chuyển nhượng như ông Á nói thì văn bản này cũng không hợp pháp bởi vì tại thời điểm mẹ anh D, anh D và chị anh D làm văn bản thỏa thuận để lại thừa kế thửa đất số 406, tờ bản đồ số 25 nói trên cho anh D thì cả mẹ anh D (bà C) và chị anh D (chị T2) đều nói rõ đất này không có tranh chấp, không có việc mua bán với ông Á và việc nhận thừa kế, nhận tặng cho đều tiến hành đúng quy định của pháp luật, đã sang tên cho anh D xong vào năm 2015, không hề phát sinh tranh chấp, do đó anh D là chủ sở hữu hợp pháp. Ông Á là người biết rõ quyền sử dụng đất này là do bố của anh D là người đứng tên (Chủ hộ), cũng biết gia đình anh D có mấy người và những ai có thể định đoạt tài sản này và rõ ràng ông Á biết mẹ anh D không thể định đoạt tài sản này nhưng vẫn thực hiện việc chuyển nhượng. Chủ thể giao dịch cũng trái quy định pháp luật vì thửa đất trên có nguồn gốc cấp cho hộ gia đình của ông Đinh Hồng Đ (bố anh D) tại thời điểm cấp gia đình anh D gồm 04 người: Bố anh D, mẹ anh D, anh D và chị gái. Nên khi chuyển nhượng phải có ý kiến của các thành viên trong hộ gia đình trong đó có anh D. Mặt khác, vào ngày 23/4/2012 bố anh D chết, thửa đất trên chưa làm thủ tục mở thừa kế, nếu muốn chuyển nhượng phần diện tích đất trên phải có sự đồng ý của các hàng thừa kế

thứ nhất của bố anh D gồm: Mẹ anh D, chị gái anh D và anh D. Tuy nhiên, trong giấy ông A đưa ra chỉ có mẹ anh D ký hợp đồng chuyển nhượng và chị gái anh D chứng kiến là tự ý định đoạt tài sản chung. Bản thân anh D là chủ sử dụng hợp pháp hoàn toàn không biết việc mua bán này cho đến năm 2024 khi yêu cầu ông A di chuyển chuồng gà mới được nghe ông A nói và đưa giấy mua bán, nói rằng mẹ anh D đã ký bán nên anh D đã làm các thủ tục khởi kiện. Giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa mẹ anh D là bà Đặng Thị C với ông Đinh Văn A cũng vi phạm quy định về hình thức, không được lập thành văn bản, có công chứng hoặc chứng thực hợp pháp. Giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa mẹ anh D và ông A đối với một phần diện tích thuộc thửa đất số 406, tờ bản đồ số 25 không thể thực hiện được do không đủ điều kiện tách thửa (Căn cứ quyết định 32/2024/QĐ-UBND tỉnh B ngày 20/9/2024). Thuộc trường hợp vô hiệu do đối tượng không thể thực hiện được theo điều 408 BLDS 2015.

Từ những căn cứ trên, anh D đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lương Tài tuyên bố giao dịch dân sự về việc mua bán phần diện tích 54m² (Theo kết quả đo đạc thực tế là 51,7m²) của thửa đất số 406, tờ bản đồ số 25, địa chỉ thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh giữa mẹ anh D là bà Đặng Thị C và ông Đinh Văn A là vô hiệu, đồng thời yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu: Buộc vợ chồng ông Đinh Văn A và bà Đinh Thị T phải tháo dỡ, di dời toàn bộ công trình (chuồng gà), tài sản trên phần diện tích đất để trả lại quyền sử dụng phần diện tích đất là 51,7 m² thuộc thửa đất số 406, tờ bản đồ số 25, địa chỉ tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh cho anh D.

Liên quan đến phần di sản thừa kế mà mẹ anh D là bà Đặng Thị C chết để lại, anh D trình bày rằng thời điểm mẹ anh D còn sống, mẹ anh D có tài sản là một phần quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên (nguồn gốc do đất cấp cho hộ gia đình và nhận thừa kế từ ông Đ chết để lại), sau đó bà C và chị T2 đồng ý cho anh D sử dụng toàn bộ phần diện tích đất của thửa đất 406 nên bà C không còn quyền sử dụng đối với thửa đất này nữa, ngoài ra khi chết bà C không còn để lại tài sản nào khác. Liên quan đến số tiền 27.000.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu đồng*) ghi trong giấy có chữ ký mà ông A nói do bà C ký, anh D hoàn toàn không được nhận và cũng không biết về số tiền này nên anh không đồng ý trả ông A số tiền này.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn là ông Đinh Văn A trình bày:

Vào năm 2012, thời điểm sau khi ông Đinh Hồng Đ (bố đẻ của anh Đinh Ngọc D) chết được vài tháng thì ông A có mua lại của hộ gia đình ông Đinh Hồng Đ và bà Đặng Thị C một phần diện tích đất là 54m² của thửa đất số 406, tờ bản đồ số 25, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh. Thời điểm mua,

ông Á đã làm Hợp đồng chuyển nhượng viết tay với bà Đặng Thị C với sự chứng kiến của chị Đinh Thị T2 (chị ruột của anh Đinh Ngọc D), anh Vũ Văn M (chồng của chị T2), ông Đặng Văn H1 (em ruột của bà C) và ông Đinh Văn H2 (Là anh ruột của ông Á). Diện tích đất 54m² ông Á đã mua của bà Đặng Thị C và chị Đinh Thị T2 với giá là 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng). Ông Á đã giao đủ số tiền trên cho bà Đặng Thị C. Về tài sản trên phần diện tích đất thì thời điểm mua trên phần diện tích đất không có tài sản gì, hiện tại trên phần diện tích đất này, vợ chồng ông đã xây dựng chuồng trại để chăn nuôi gà. Nay ông Á xác định phần diện tích đất này là thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông. Đối với yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Ngọc D yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch giữa ông Á và bà Đặng Thị C về việc mua bán diện tích đất 54m² của thửa đất số 406, tờ bản đồ số 25, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh là vô hiệu, quan điểm của ông là không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Ngọc D, đồng thời đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Đinh Ngọc D. Ông Á cũng đã được Tòa án giải thích về hậu quả pháp lý của việc tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu nhưng ông Á không có ý kiến do ông Á không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh D.

Tại biên bản lấy lời khai, người đại diện theo ủy quyền của bà Đinh Thị T (vợ ông Đinh Văn Á) trình bày:

Với tư cách là người được bà Đinh Thị T ủy quyền, ông Á trình bày quan điểm của bà T, quan điểm của bà T cũng giống như quan điểm của ông Á là không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Đinh Ngọc D về việc anh D yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự là Hợp đồng chuyển nhượng phần diện tích đất là 54m² thuộc thửa đất số 406, tờ bản đồ số 25, địa chỉ tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh giữa bà Đặng Thị C với ông Đinh Văn Á vô hiệu.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người chết (bà Đặng Thị C) để lại là chị Nguyễn Thị T1 (tên thường gọi là Đinh Thị T2) trình bày: Bố chị T2 là ông Đinh Hồng Đ, sinh năm 1952, mất vào ngày 23/4/2012. Mẹ chị là bà Đặng Thị C, sinh năm 1952, mất ngày 19/02/2024. Khi còn sống bố mẹ chị sinh được 02 người con, 01 trai, 01 gái gồm có chị (Nguyễn Thị T1) và em trai của chị là anh Đinh Ngọc D, sinh năm 1984. Thửa đất số 406, tờ bản đồ số 25, địa chỉ tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh trước đây là mang tên hộ ông Đinh Hồng Đ.

Sau khi bố chị là ông Đinh Hồng Đ chết, đến tháng 12 năm 2012, mẹ chị là bà Đặng Thị C có chuyển nhượng lại 54m² đất của thửa đất số 406, tờ bản đồ số 25, địa chỉ tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh cho ông Đinh Văn Á với giá

là 27.000.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu đồng*). Việc mua bán đất giữa mẹ chị và ông Đinh Văn Á có lập thành văn bản và chị là một trong những người chứng kiến. Đến năm 2015, gia đình chị có thỏa thuận phân chia di sản thừa kế. Do không đọc văn bản nên chị đã ký vào văn bản thỏa thuận ngày 14/5/2015 về việc nhường toàn bộ phần quyền sử dụng thửa đất số 406, tờ bản đồ số 25, địa chỉ tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh, diện tích 100m² cho anh Đinh Ngọc D. Theo chị thì thửa đất số 406, tờ bản đồ số 25, địa chỉ tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh không còn có diện tích là 100m² do đã bán cho ông Đinh Văn Á 54m².

Đối với yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Ngọc D yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự là Hợp đồng chuyển nhượng phần diện tích đất là 54m² thuộc thửa đất số 406, tờ bản đồ số 25, địa chỉ tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh giữa bà Đặng Thị C với ông Đinh Văn Á vô hiệu. Chị không đồng ý vì 54m² của thửa đất số 406, tờ bản đồ số 25, địa chỉ tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh mẹ chị đã bán cho ông Đinh Văn Á. Chị T1 cũng đã được giải thích về hậu quả pháp lý của việc tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu nhưng chị T1 không có ý kiến vì chị T1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh D.

Tại biên bản lấy lời khai, anh Vũ Văn M (Chồng chị Nguyễn Thị T1) trình bày:

Anh M có chứng kiến việc mua bán quyền sử dụng đối với diện tích đất 54m² thuộc thửa đất số 406, tờ bản đồ số 25, địa chỉ tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh giữa bà Đặng Thị C và ông Đinh Văn Á. Sau đó ông Á và bà C có lập thành giấy chuyển nhượng viết tay và anh M có ký làm chứng vào giấy chuyển nhượng. Anh M xác nhận việc mua bán giữa ông Đinh Văn Á và bà Đặng Thị C là có thật và ông Đinh Văn Á đã giao đủ tiền cho bà Đặng Thị C.

Với nội dung trên tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2025/DSST, ngày 29/4/2025 của TAND huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh (nay là TAND khu vực 9-Bắc Ninh). Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 124, Điều 127, Điều 128, Điều 134, Điều 137, Điều 689 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Điều 127 Luật đất đai năm 2003; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Ngọc D

1. Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Đặng Thị C và ông Đinh Văn Á ngày 26 tháng 12 năm 2012 đối với phần diện tích 54m² (theo kết quả đo đạc là 51,7m²), thuộc thửa đất số 406, tờ bản đồ số 25, địa chỉ:

Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh (nay là Thôn T, xã T, tỉnh Bắc Ninh) vô hiệu.

- Buộc vợ chồng ông Đinh Văn Â, bà Đinh Thị T có nghĩa vụ trả lại cho anh Đinh Ngọc D phần diện tích đất 51,7m² thuộc thửa đất số 406, tờ bản đồ số 25, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh (nay là thôn T, xã T, tỉnh Bắc Ninh), được giới hạn bởi các điểm 3, 4, 5, 6, 11, 12, 13, 3 theo kết quả đo đạc của Công ty Cổ phần K.

- Buộc anh Đinh Ngọc D phải bồi thường cho vợ chồng ông Đinh Văn Â, bà Đinh Thị T số tiền là: 284.408.000 đồng (Gồm tiền hoàn trả theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là: 27.000.000 đồng; Tiền bồi thường chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất là: 193.300.000 đồng và tiền bồi thường giá trị công trình trên đất là: 64.108.000 đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu lãi suất do chậm thanh toán trả tiền, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Sau khi án sơ thẩm xử xong bị đơn là ông Â, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà T, chị T1 không kháng cáo chấp nhận bản án sơ thẩm. Ngày 14/5/2025 nguyên đơn đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Đinh Ngọc D có đơn kháng cáo đối một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Đinh Ngọc D, người đại diện hợp pháp cho anh D là ông H giữa nguyên nội dung đơn kháng cáo đề nghị tòa án xem xét lại phần quyết định của bản án sơ thẩm về việc giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu với căn cứ: Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2025/DSST, ngày 29/4/2025 của TAND huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - Bắc Ninh) khi quyết định không tuyên buộc vợ chồng ông Đinh Văn Â phải tháo dỡ công trình xây dựng (chuồng gà) trên phần diện tích đất nhận chuyển nhượng đã bị tòa án tuyên vô hiệu lại buộc anh D- phải hoàn trả và bồi thường cho vợ chồng ông Đinh Văn Â, bà Đinh Thị T số tiền là: 284.408.000 đồng (Gồm tiền hoàn trả theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là: 27.000.000 đồng; Tiền bồi thường chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất là: 193.300.000 đồng và tiền bồi thường giá trị công trình (chuồng gà) trên đất là: 64.108.000 đồng là không đúng qui định của pháp luật về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, Điều 137 của BLDS qui định về giải quyết hậu quả của hợp đồng, giao dịch vô hiệu thì "Các bên phải khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, bên có lỗi thì phải bồi thường". Theo yêu cầu khởi kiện, anh D chỉ yêu cầu tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 26/12/2012 (thông qua giấy viết tay) giữa mẹ anh là bà Đặng Thị C, sinh năm 1952 (mất ngày 19/02/2024) với ông Đinh Văn Â với nội dung bà C chuyển

nhượng cho ông A 54m² nằm trong thửa đất số 406, tờ bản đồ số 25, tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh được (nay là Thôn T, xã T, tỉnh Bắc Ninh) vô hiệu, buộc vợ chồng ông A phải tháo dỡ công trình xây dựng là chuồng gà đã xây trên đất nhận chuyển nhượng để trả lại đất cho anh với tư cách là chủ sử dụng thửa đất thông qua biên bản phân chia tài sản, di sản tài sản năm 2015 khi mẹ anh là bà C còn sống. Song Tòa án cấp sơ thẩm khi giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu không buộc vợ chồng ông A phải tháo dỡ chuồng gà đã xây trên phần đất nhận chuyển nhượng lại buộc anh phải hoàn trả cho vợ chồng ông A giá trị chuồng gà đã xây trên đất số tiền 64.108.000đ là không đúng, trong khi bản thân anh D không có nhu cầu sử dụng chuồng gà, anh D chỉ có yêu cầu ông A phải tháo dỡ công trình để khôi phục lại tình trạng ban đầu của thửa đất. Ngoài việc buộc anh D phải thanh toán trả giá trị đầu tư trên đất, án sơ thẩm sau khi đáng giá mức độ lỗi làm cho hpwj đồng vô hiệu còn buộc anh D với tư cách là người được nhận tài sản và là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà C phải bồi thường thiệt hại đối với giá trị chênh lệch của quyền sử dụng đất tại thời điểm xét xử sơ thẩm với số tiền 193.300.000 đồng là không đúng qui định của pháp luật dân sự về thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại, thời điểm anh D được bà C và chị gái làm biên bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế với nội dung giao cho anh D được sử dụng thửa đất số 406, tờ bản đồ 25, diện tích 100m² vào năm 2015, năm 2000 mẹ anh là bà C mới chết, sau khi mẹ anh là bà C chết không để lại tài sản hay di sản gì, nên anh D hay các thừa kế của bà C cũng không được nhận di sản do bà C để lại nên không phải thực hiện nghĩa vụ do người chết là bà C mẹ anh để lại. Tuy nhiên để đảm bảo quyền lợi cho vợ chồng ông A tại phiên tòa anh Dương tự hoàn trả và hỗ trợ cho vợ chồng ông A số tiền tổng số tiền là: 146.000.000đ

Tại phiên tòa sau khi phân tích, đánh giá những sai sót trong việc áp dụng pháp luật cũng như đường lối giải quyết vụ án. Đại diện VKSND tỉnh Bắc Ninh đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của BLTTDS chấp nhận một phần kháng cáo của anh Đinh Ngọc D, sửa Bản án sơ thẩm số 20/2015/DSST, ngày 29/4/2015 của Tòa án nhân dân huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh (nay là TAND khu vực 9-Bắc Ninh) đối với quyết định của bản án sơ thẩm về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu và án phí

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp thấy: Anh Đinh Ngọc D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh (nay là TAND khu vực 9-Bắc Ninh) tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được lập ngày 26/12/2012 giữa mẹ anh D là bà Nguyễn Thị C1 với ông Đinh Văn Á với nội dung "Bà Nguyễn Thị C1 chuyển nhượng cho ông Á 54m² đất nằm trong thửa đất số 406, tờ bản đồ số 25 có diện tích 100m² địa chỉ thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh được UBND huyện L, tỉnh Bắc Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/4/2012 công nhận chủ sử dụng đất là hộ ông Đinh Hồng Đ có quyền sử dụng hợp pháp vô hiệu với căn cứ: Thửa đất số 406, tờ bản đồ số 25 là tài sản chung của hộ gia đình gồm: Ông Đ, bà C1, anh D, chị T1, sau khi ông Đ chết bà C1 đã tự ý làm giấy chuyển nhượng một phần diện tích của thửa đất cho ông Á mà không được sự đồng ý của các đồng sở hữu, đồng thừa kế là anh D, chị T1. Hình thức của hợp đồng không được công chứng, chứng thực theo qui định của pháp luật; Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, anh D yêu cầu khôi phục lại tình trạng ban đầu (yêu cầu vợ chồng ông Á phải tháo dỡ công trình xây dựng trên phần diện tích đất nhận chuyển nhượng để trả lại cho anh D với tư cách là người được nhận di sản thừa kế đối với thửa đất số 406 (trong đó có cả phần diện tích bà C1 đã chuyển nhượng cho ông Á). Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ thẩm quyền giải quyết các vụ, việc dân sự được qui định tại các Điều 26, 35, 39 của BLTTDS thấy. Tòa án nhân dân huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh (nay là TAND khu vực 9-Bắc Ninh) xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu"* và thụ lý, giải quyết vụ án là đúng pháp luật

Xét đơn kháng cáo của của anh D thấy. Sau khi án sơ thẩm xử xong bị đơn là ông Á, bà T chấp nhận phán quyết của bản án sơ thẩm, không kháng cáo. Ngày 14/5/2025 nguyên đơn là anh Đinh Ngọc D kháng cáo. Xét quyền kháng cáo, trình tự thủ tục kháng cáo của anh Đinh Ngọc D là đúng qui định tại các Điều 271, 272, 273 và Điều 274 của BLTTDS nên kháng cáo là hợp lệ được chấp nhận để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản cho ông Đinh Văn Á, bà Đinh Thị T và chị Nguyễn Thị Tuyết . Ông Á, bà T, chị T1 đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng hay vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ khoản 3, Điều 296 của BLTTDS tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự có tên theo qui định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo và căn cứ kháng cáo của anh Đinh Ngọc D thấy: Ngày 26 tháng 12 năm 2012, bà Đặng Thị C có chuyển nhượng cho ông Đinh Văn Á 54m² thuộc thửa đất số 406, tờ bản đồ số 25 địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh bằng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay với sự chứng kiến của chị Nguyễn Thị T1 là con gái bà Đặng Thị C, anh Vũ Văn M là chồng chị Nguyễn Thị Tuyết. Cả chị T1, anh M và ông Đinh Văn Á đều xác nhận bà Đặng Thị C đã chuyển nhượng cho ông Đinh Văn Á diện tích đất trên và đã giao nhận tiền đầy đủ. Vì vậy, việc chuyển nhượng diện tích 54m² đất (nay đo đạc trên thực địa là 51,7m²) thuộc thửa đất số 406, tờ bản đồ số 25 giữa bà Đặng Thị C và ông Đinh Văn Á là có thật.

Xét hiệu lực pháp lý của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà C và ông Á thấy: Thửa đất số 406, tờ bản đồ số 25 được UBND huyện L, tỉnh Bắc Ninh cấp đứng tên chủ sử dụng là hộ ông Đinh Hồng Đ. Ngày 13/5/2012 ông Đ chết không để lại di chúc, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 651 BLDS xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Đinh Hồng Đ gồm: bà Đặng Thị C, chị Nguyễn Thị T1 và anh Đinh Ngọc D. Nên Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 406, tờ bản đồ số 25, địa chỉ tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh sau khi ông Đinh Hồng Đ chết thuộc về bà C, anh D và chị T1. Mặt khác thửa đất 406 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, vì vậy khi định đoạt một phần hay toàn bộ thửa đất 406, tờ bản đồ số 25 thì đều phải được sự đồng ý và xác nhận của cả bà Đặng Thị C, chị Nguyễn Thị T1 và anh Đinh Ngọc D. Song ngày 26/12/2012 bà Đặng Thị C làm giấy viết tay chuyển nhượng cho ông Đinh Văn Á 54m² nằm trong thửa đất số 406 là tài chung của hộ gia đình, trong đó có phần di sản thừa kế do thành viên hộ gia đình là ông Đinh Hồng Đ để lại với số tiền 27.000.000 đồng mà không được sự đồng ý, nhất trí của anh Đinh Ngọc D với tư cách là người có quyền đồng sử dụng đất, đồng thời có quyền nhận di sản thừa kế do ông Đ để lại theo pháp luật là vi phạm Điều 128 Bộ luật dân sự 2005. Mặt khác, xét hình thức của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà C và ông Á thấy việc thỏa thuận mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên không thủ đúng qui định của pháp luật về hình thức, không tuân thủ đúng trình tự thủ tục mua bán, chuyển nhượng tài sản là quyền sử dụng đất, hợp đồng không được công chứng, chứng thực, không đăng ký biến động về đất đai là không tuân thủ đúng qui định tại các Điều Điều 134, 689, 689 của Bộ luật dân sự năm 2005. Tòa án cấp sơ thẩm xử và tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/12/2022 giữa bà C và ông Á vô hiệu là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về giải quyết hậu quả của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 26/12/2012 giữa bên chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị C1 và bên nhận chuyển nhượng là ông Đinh Văn Á.

Do Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Đặng Thị C và ông Đinh Văn Á vô hiệu và nguyên nhân dẫn đến hợp đồng vô hiệu là ông Á và bà C đều có lỗi và mức độ lỗi của các bên là ngang nhau do vậy tòa án cấp sơ thẩm buộc anh Đinh Ngọc D với tư cách là người được nhận phần giá trị tài sản bà C chuyển giao khi bà C còn sống thông qua một giao dịch dân sự về tài sản không có đến bù, cụ thể buộc anh D phải trả lại ông Á 27.000.000đ là tiền bà C đã nhận của ông Á khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất và phải bồi thường thiệt hại thay cho bà C đối số tiền 193.300.000đ đồng là tiền bồi thường thiệt hại về giá trị phần diện tích đất chuyển nhượng theo giá thị trường tại thời điểm xét xử sơ thẩm thấy là có lý, có tình và phù hợp với nguyên tắc vì lẽ công bằng đã được bộ luật dân sự và pháp luật qui định.

Đối với quyết định của của bản án sơ thẩm buộc anh D phải trích trả cho vợ chồng ông Á 64.108.000đ là giá trị chuồng trại chăn nuôi gà do vợ chồng ông Á đầu tư xây có diện tích 51,7m² nằm trong thửa đất số 406, tờ bản đồ số 25, diện tích 100m², lẽ ra tòa án phải tuyên và công nhận cho anh D có quyền sở hữu, sử dụng đối với diện tích chuồng trại chăn nuôi nằm trên thửa đất mới phù hợp. Tuy nhiên sau khi xem xét kỹ lưỡng các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án như Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, biên bản định giá tài sản, trên cơ sở đối chiếu qui định của pháp luật về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu cũng như phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Anh Đinh Ngọc D khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng 54m² đất (theo đo đạc trên thực địa là 51,7m² đất) nằm trong thửa đất số 406 tờ bản đồ số 25, diện tích 100m² được lập bằng văn bản ngày 26/12/2012 giữa bên chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị C1 (mẹ anh D) với bên nhận chuyển nhượng là ông Đinh Văn Á vô hiệu; Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, anh D yêu cầu ông Á, vợ chồng ông Á phải tháo dỡ công trình là chuồng trại chăn nuôi đã xây trên diện tích đất nhận chuyển nhượng để trả lại diện tích đất nhận chuyển nhượng để anh xây dựng nhà ở, song Tòa án cấp sơ thẩm khi tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà C1 và ông Á vô hiệu không buộc vợ chồng ông Á phải tháo dỡ chuồng trại chăn nuôi, trong khi chuồng trại chăn nuôi theo biên bản thẩm định tại chỗ là công trình không kiên cố, có giá trị không lớn, Tòa án cấp sơ thẩm lại buộc anh D phải hoàn trả cho vợ chồng ông Á 64.108.000đ là giá trị của chuồng trại chăn nuôi do vợ chồng ông Á đã xây trên đất là không phù hợp với qui định của pháp luật về giải quyết hậu

quả của hợp đồng vô hiệu là "*Khôi phục lại tình trạng ban đầu và hoàn trả cho nhau nhưng gì đã nhận*".

Đề áp dụng đúng tinh thần của pháp luật thấy, cần chấp nhận một phần nội dung đơn kháng cáo của anh Đinh Ngọc D, sửa một phần bản án sơ thẩm có liên quan đến việc giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo hướng

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Ngọc D. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Đặng Thị C và ông Đinh Văn A ngày 26 tháng 12 năm 2012 đối với phần diện tích 54m² (Theo kết quả đo đạc là 51,7m²), thuộc thửa đất số 406, tờ bản đồ số 25, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh (nay là Thôn T, xã T, tỉnh Bắc Ninh) vô hiệu.

2. Giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Buộc vợ chồng ông Đinh Văn A và bà Đinh Thị T phải có nghĩa vụ tháo dỡ công trình xây dựng trên phần đất nhận chuyển nhượng để trả lại cho anh Đinh Ngọc D phần diện tích theo kết quả đo đạc trên thực địa là: 51,7m² nằm trong thửa đất số 406, tờ bản đồ số 25, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh (nay là Thôn A, xã T, tỉnh Bắc Ninh) được giới hạn bởi các điểm 3,4,5,6,11,12,13,3 theo kết quả đo đạc của Công ty Cổ phần K. Buộc anh Đinh Ngọc D phải hoàn trả và bồi thường cho vợ chồng ông Đinh Văn A, bà Đinh Thị T tổng số tiền là: 220.300.000 đồng (Gồm tiền hoàn trả theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là: 27.000.000 đồng; Tiền bồi thường thiệt hại do chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng là: 193.300.000 đồng).

- **Về án phí sơ thẩm:** Qua xem xét phần quyết định của bản án sơ thẩm thấy bản án tuyên buộc anh D phải chịu 300.000đ theo mức chịu án phí không có giá ngạch và buộc bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là không đúng. Do bản án sơ thẩm bị sửa về nội dung nên cũng cần phải sửa cả về nghĩa vụ chịu án phí của các đương cho phù hợp và đúng qui định của pháp luật.

- **Về án phí phúc thẩm:** Do kháng cáo của anh Đinh Ngọc D được tòa án chấp nhận một phần nên anh D không phải chịu án phí DSPT, theo qui định của pháp luật lẽ ra phải hoàn trả lại cho anh Đinh Ngọc D số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, song xét anh D phải chịu án phí DSST nên cần tạm giữ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm anh D đã nộp để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của BLTTDS. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Đinh Ngọc D, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2025/DSST, ngày 29/4/2025 của TAND huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh (nay là TAND khu vực 9-Bắc Ninh). Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều

227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 124, Điều 127, Điều 128, Điều 134, Điều 137, Điều 689 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Điều 127 Luật đất đai năm 2003; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Ngọc D. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Đặng Thị C và ông Đinh Văn A ngày 26 tháng 12 năm 2012 đối với phần diện tích 54m² (Theo kết quả đo đạc là 51,7m²), thuộc thửa đất số 406, tờ bản đồ số 25, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh (nay là Thôn T, xã T, tỉnh Bắc Ninh) vô hiệu.

2. Giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu:

- Buộc vợ chồng ông Đinh Văn A và bà Đinh Thị T phải có nghĩa vụ tháo dỡ công trình xây dựng trên phần đất nhận chuyển nhượng để trả lại cho anh Đinh Ngọc D phần diện tích theo kết quả đo đạc trên thực địa là: 51,7m² nằm trong thửa đất số 406, tờ bản đồ số 25, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh (nay là Thôn A, xã T, tỉnh Bắc Ninh) được giới hạn bởi các điểm 3, 4, 5, 6, 11, 12, 13, 3 theo kết quả đo đạc của Công ty Cổ phần K.

- Buộc anh Đinh Ngọc D phải hoàn trả và bồi thường cho vợ chồng ông Đinh Văn A, bà Đinh Thị T tổng số tiền là: 220.300.000 đồng (Gồm tiền hoàn trả theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là: 27.000.000 đồng; Tiền bồi thường thiệt hại do chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng là: 193.300.000 đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và Điều 468 của bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đinh Văn A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên xét ông A là người cao tuổi nên miễn số tiền án phí dân sự phải nộp cho ông A.

- Anh Đinh Ngọc D phải chịu 11.015.000 đồng án phí DSST, xác nhận anh Đinh Ngọc D đã nộp đã nộp 2.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu số: 0001235, ngày 07/11/2024 của Chi cục THADS huyện L, tỉnh Bắc Ninh (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9-Bắc Ninh). Sau khi đối trừ, anh Đinh Ngọc D còn phải nộp số tiền án phí sơ thẩm còn lại là: 8.815.000 đồng.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Buộc ông Đinh Văn Ân và bà Đinh Thị T phải trả lại cho anh Đinh Ngọc D 9.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Đinh Ngọc D không phải chịu án phí DSPT, trả lại cho anh Đinh Ngọc D 300.000 đồng là tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số: 0003981, ngày 19/5/2025 của Chi cục THADS huyện L, tỉnh Bắc Ninh (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9-Bắc Ninh) nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tối cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND khu vực 9-Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 9-Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thế Bình